

Số: 08/2021/QĐST- HNGĐ

CB, ngày 12 tháng 01 năm 2021.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC
ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án **hôn nhân gia đình** thụ lý số: **196/2020/TLST- HNGĐ** ngày 15 tháng 12 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn:* **Phạm Đình T**

HKTT: Tổ 15 (tổ 19 cũ), phường T G, thành phố CB, tỉnh CB.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 01, phường Đ T, thành phố CB, tỉnh CB.

- *Bị đơn:* **Lý Thị D**

HKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ 15 (tổ 19 cũ), phường T G, thành phố CB, tỉnh CB.

Căn cứ vào khoản 3,4 Điều 147; Điều 212; Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 01 năm 2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 01 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Ông Phạm Đình T

HKTT: Tổ 15 (tổ 19 cũ), phường T G, thành phố CB, tỉnh CB.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 01, phường Đ T, thành phố CB, tỉnh CB.

Bà Lý Thị D

HKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ 15 (tổ 19 cũ), phường T G, thành phố CB, tỉnh CB.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Đình T và bà Lý Thị D.

- **Về con chung:** Quá trình chung sống vợ chồng ông Phạm Đình T và bà Lý Thị D có 02 con chung là Phạm M H (giới tính: Nữ; sinh ngày 13/9/1996) và Phạm T A (Giới tính: Nữ; Sinh ngày 10/3/2000). Hiện nay 02 con chung đã thành niên, không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết.

- **Về tài sản chung:** Các bên đương sự xác nhận có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Các bên đương sự xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:**

Ông Phạm Đình T và bà Lý Thị D mỗi người phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp thuận tình ly hôn để sung công quỹ Nhà nước.

Hai bên đương sự tự nguyện thỏa thuận ông Phạm Đình T nộp thay số tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lý Thị D. Tổng số tiền án phí ông T phải chịu là 150.000đ, nay được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ mà ông T đã nộp theo Biên lai số AA/2018/0000932 ngày 15/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố CB, tỉnh CB. Xác nhận ông T đã nộp đủ tiền án phí và ông T được hoàn lại số tiền 150.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh CB;
- Viện kiểm sát nhân dân TPCB;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPCB;
- UBND phường T G, TP.CB;
- Dương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Bế Lan Phương